

MÔN NGỮ VĂN

BÀI 1: CHỦ ĐỀ: CON NGƯỜI-GIA ĐÌNH -NHÀ TRƯỜNG

Văn bản :

CÔNG TRƯỜNG MỞ RA, MẸ TÔI, CUỘC CHIA TAY CỦA NHỮNG CON BÚP BÊ

I/Kiến thức trọng tâm:

1/VB: Công trường mở ra(Lí Lan):

- VB trích từ báo yêu trẻ- TP.HCM.
- Nội dung: ghi lại tâm trạng người mẹ trong đêm trước chuẩn bị cho con trước ngày khai trường vào lớp 1: hồi hộp, lo lắng, thao thức, tin tưởng, hi vọng.
- Qua suy nghĩ và tâm trạng của người mẹ, tác giả khẳng định vị trí và vai trò của nhà trường đối với cuộc đời mỗi con người.
- Nghệ thuật: Miêu tả cụ thể, sinh động diễn biến tâm trạng người mẹ với những hình thức khác nhau: Miêu tả trực tiếp, miêu tả qua thủ pháp so sánh, đối chiếu, miêu tả qua hồi ức.

2. VB: Mẹ tôi(étmondô A mi xi):

- Vb trích trong tác phẩm “Những tấm lòng cao cả”.
 - Vb mang tính truyện nhưng lại được trình bày dưới dạng một bức thư.
 - ND: VB là những dòng tâm tư tình cảm buồn khổ và thái độ nghiêm khắc của người cha trước lỗi lầm của con.
 - + VB thể hiện tình cảm thiêng liêng của cha mẹ đối với con cái và giáo dục giáo dục con về lòng hiếu thảo, biết kính trọng cha mẹ.
- NT: Lập luận chặt chẽ, lời lẽ chân thành, giản dị, giàu cảm xúc, có sức thuyết phục cao.

3.VB: Cuộc chia tay của những con búp bê(Khánh Hoài).

- Vb đề cập đến vấn đề hết sức quan trọng trong cuộc sống hiện đại: bố mẹ li dị, con cái phải chịu cảnh chia lìa. qua đó cảnh báo cho tất cả mọi người về trách nhiệm của mình đối với con cái
 - ND: Mượn chuyện cuộc chia tay của những con búp bê, tác giả thể hiện tình thương xót nỗi đau buồn của những trẻ thơ trước bi kịch gia đình: bố mẹ bỏ nhau, anh em mỗi người một ngã, đồng thời ca ngợi tình cảm tốt đẹp, trong sáng của tuổi thơ.
- Đọc truyện ngắn này ta càng thêm thấm thía: Tổ ấm gia đình, hạnh phúc gia đình, tình cảm gia đình là vô cùng quý giá, thiêng liêng; mỗi người, mỗi thành viên phải biết vun đắp, giữ gìn những tình cảm trong sáng, thân thiết ấy.
- NT: lập luận chặt chẽ, lời lẽ chân thành, giản dị, giàu cảm xúc, có sức thuyết phục cao.

II/TÓM TẮT 3 VĂN BẢN

Cổng trường mở ra	Me tôi	Cuộc chia tay của những con búp bê
Trước ngày tựu trường của con người mẹ không ngủ được. Khi đưa con đã ngủ say, người mẹ bồi hồi nhớ lại những hoạt động trong ngày của con và nhớ về cả những kỉ niệm của chính bản thân mình trong ngày khai trường đầu tiên. Người mẹ nghĩ về tương lai của đứa con, rồi liên tưởng tới ngày khai giảng ở Nhật- một ngày hội thực sự của toàn xã hội- nơi mà mọi người thể hiện sự quan tâm tới thế hệ tương lai.	Sáng hôm ấy, khi cô giáo đến thăm, En- ri- cô đã vô tình thốt lên một lời thiếu lễ độ với mẹ. Hành động ấy khiến bố En- ri- cô vô cùng tức giận và đã viết một bức thư cho cậu. Bức thư của người bố vừa dịu dàng nói lên tình cảm thiêng liêng của người mẹ dành cho En- ri- cô, vừa nghiêm khắc chỉ bảo cậu không được thốt ra một lời nói nặng với mẹ và phải xin lỗi mẹ. En- ri- cô cảm thấy hối hận và xúc động vô cùng.	Vì bố mẹ chia tay nhau, hai anh em Thành và Thủy cũng phải mỗi người một ngả: Thủy về quê với mẹ còn Thành ở lại với bố. Hai anh em nhường đồ chơi cho nhau, Thủy đau đớn chia tay thầy cô, khi chia tay còn quyến luyến anh không muốn rời,... Ba cuộc chia tay gợi lên ở bạn đọc những xúc cảm mạnh mẽ cùng nỗi xót thương cho cảnh ngộ mà lẽ ra những người bạn nhỏ không phải gánh chịu.

III. Bài tập cảm thụ Vb:

Bài tập 1: Viết một đoạn văn ngắn(5-6 câu) trình bày những cảm nhận của em về hình ảnh và vai trò của người mẹ qua hai VB: Cổng trường mở ra, Mẹ tôi.

Bài tập 2: Hãy nêu cảm nhận của em về câu nói: “ Đi đi con. Hãy can đảm lên. Thế giới này là của con. Bước qua cánh cổng trường này là một thế giới kì diệu sẽ mở ra”.

Bài tập 3: Trong Vb mẹ tôi, người bố góp ý , giáo dục con phải lễ độ và biết ơn mẹ. Em hãy cho biết tại sao ông không chọn cách nói trực tiếp mà lại viết thư.

Bài tập 4: Trong truyện “ Cuộc....” có mấy cuộc chia tay? Tại sao tên truyện là” Cuộc....” nhưng trong thực tế búp bê không hề chia nhau? nếu đặt tên truyện là “ búp bê không hề chia tay”, “ Cuộc chia tay giữa Thành và Thủy” thì ý nghĩa của truyện có khác đi không?

III/. Hướng dẫn học bài:- học bài

1. Bài tập về nhà: Tóm tắt truyện ngắn: “ Cuộc....” bằng một đoạn văn ngắn(7-10 câu).

-Làm các bài tập còn lại

MÔN TOÁN

CHƯƠNG I: SỐ HỮU TỈ. SỐ THỰC BÀI 1: TẬP HỢP Q CÁC SỐ HỮU TỈ

I. Số Hữu Tỉ:

Số hữu tỉ là số viết được dưới dạng phân số $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}, b \neq 0$

Tập hợp số hữu tỉ được kí hiệu là Q

II. Biểu Diễn Số Hữu Tỉ Trên Trục Số:

(SGK /5)

III. So Sánh Hai Số Hữu Tỉ:

So sánh hai số hữu tỉ: như so sánh hai phân số

Cách 1: Viết hai số hữu tỉ x, y dưới dạng hai phân số có cùng mẫu dương

$$x = \frac{a}{m}; y = \frac{b}{m} \quad a, b, m \in \mathbb{Z}, m > 0$$

Ta so sánh, nếu: $a > b$ thì $x > y$

$$a = b \text{ thì } x = y$$

$$a < b \text{ thì } x < y$$

Ví dụ: So sánh $\frac{1}{-2}$ và $\frac{-3}{5}$

$$\text{Ta có: } \frac{1}{-2} = \frac{-1}{2} = \frac{-5}{10} \quad \text{và} \quad \frac{-3}{5} = \frac{-6}{10}$$

$$\text{Vì } -5 > -6 \text{ nên } \frac{-5}{10} > \frac{-6}{10} \text{ hay } \frac{1}{-2} > \frac{-3}{5}$$

Cách 2: Áp dụng $\boxed{\frac{a}{b} > \frac{c}{d} \ (b, d > 0) \Leftrightarrow a.d > b.c \ (b, d > 0)}$

Ví dụ: So sánh $\frac{-15}{17}$ và $\frac{-19}{21}$

$$\text{Ta có: } -15.21 = -315 \quad \text{và} \quad 17.(-19) = -323$$

$$\text{Vì } -315 > -323 \text{ Nên } \frac{-15}{17} > \frac{-19}{21}$$

BÀI TẬP (Tiết Luyện Tập) .

Bài 1: Điền kí hiệu ($\in, \notin, \subset$) vào ô thích hợp:

$2000 \square N$

$\frac{4}{5} \square N$

$\frac{-10}{7} \square Q$

$-15 \square Z$

$-3 \square Q$

$\frac{-4}{9} \square Z$

$5 \square Q$

$\frac{12}{15} \square N$

$0 \square Q$

$N \square Z \square Q$

Bài 2: So sánh các số hữu tỉ sau:

$1) \frac{-13}{40} \text{ và } \frac{-12}{40}$

$2) \frac{-7}{6} \text{ và } \frac{5}{-6}$

$3) \frac{-1}{2} \text{ và } \frac{-2}{3}$

$4) \frac{-5}{6} \text{ và } \frac{-91}{102}$

$5) \frac{-15}{21} \text{ và } \frac{-36}{44}$

$6) \frac{16}{30} \text{ và } \frac{35}{84}$

$7) \frac{16}{-28} \text{ và } \frac{-4}{7}$

$8) \frac{-77}{3^3 \cdot 7^4} \text{ và }$

$\frac{-78}{3^8 \cdot 7^3}$

Bài 3: Sắp xếp các số hữu tỉ sau theo thứ tự tăng dần:

$a) \frac{-6}{-4}; \frac{-7}{9}; 0; \frac{40}{50}; \frac{27}{33}$

$b) \frac{18}{19}; \frac{4}{3}; \frac{-14}{37}; \frac{17}{20}; \frac{-14}{33}; 0$

Bài 4: Tìm số nguyên x biết: $\frac{x}{5} < \frac{5}{4} < \frac{x+2}{5}$

BÀI 2. CỘNG, TRỪ SỐ HỮU TỈ

1) Cộng Trừ Hai Số Hữu Tỉ:

Với $x = \frac{a}{m}$, $y = \frac{b}{m}$ ($a, b, m \in \mathbb{Z}, m > 0$) ta có:

$x + y = \frac{a}{m} + \frac{b}{m} = \frac{a+b}{m}$	$x - y = \frac{a}{m} - \frac{b}{m} = \frac{a-b}{m}$
---	---

Lưu ý:

- Rút gọn phân số trước khi tính
- Phép cộng số hữu tỉ có các tính chất như phép cộng phân số
- Số đối của số hữu tỉ x là -x

$$-\frac{a}{b} = \frac{-a}{b} = \frac{a}{-b}$$

$$?1) \text{ Tính: a) } 0,6 + \frac{2}{-3} = \frac{3}{5} + \frac{-2}{3} = \frac{9+(-10)}{15} = \frac{-1}{15}$$

$$b) \frac{1}{3} - (-0,4) = \frac{1}{3} + \frac{2}{5} = \frac{5+6}{15} = \frac{11}{15}$$

2) Quy tắc chuyển vế:

Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức, ta phải đổi dấu số hạng đó

Với mọi $x, y, z \in Q : x + y = z \Rightarrow x = z - y$

Ví dụ: Tìm x, biết $x + \frac{-5}{7} = \frac{1}{3}$

$$x + \frac{-5}{7} = \frac{1}{3}$$

$$x = \frac{1}{3} - \frac{-5}{7}$$

$$x = \frac{22}{21}$$

?2) Tìm x, biết:

a) $x - \frac{1}{2} = -\frac{2}{3}$

$$x = -\frac{2}{3} + \frac{1}{2}$$

$$x = \frac{-4+3}{6}$$

$$x = \frac{-1}{6}$$

b) $\frac{2}{7} - x = -\frac{3}{4}$

$$x = \frac{2}{7} - \left(-\frac{3}{4}\right)$$

$$x = \frac{2}{7} + \frac{3}{4}$$

$$x = \frac{8+21}{28}$$

$$x = \frac{29}{28}$$

3) BÀI TẬP

Bài 1: Tính

1) $\frac{-3}{5} + \frac{7}{5}$

2) $\frac{5}{7} + \frac{-8}{7}$

3) $\frac{8}{-9} + \frac{7}{-9}$

4) $\frac{14}{6} + \frac{8}{3}$

5) $\frac{-3}{4} + \frac{7}{6}$

6) $\frac{3}{5} - \frac{23}{5}$

7) $\frac{9}{11} - \frac{-7}{11}$

8) $\frac{-5}{6} - \frac{2}{3}$

9) $\frac{13}{12} - \frac{3}{8}$

10)

$$1\frac{1}{3} - \frac{5}{4}$$

Bài 2: Thực hiện phép tính:

1) $\frac{7}{23} + \frac{16}{23} - \frac{1}{2}$

2) $4 - 1\frac{2}{5} - \frac{8}{3}$

3) $\frac{-5}{12} + \frac{5}{18} - 2,25$

4) $\frac{3}{4} + \frac{-1}{6} - \frac{5}{3}$

5) $\frac{5}{7} - \frac{4}{3} + \frac{2}{7} + \frac{1}{3} - \frac{5}{13}$

6) $-1\frac{2}{3} + \frac{3}{4} - \frac{1}{2} + 2\frac{1}{6}$

7) $-1 + \frac{1}{3} - \frac{1}{9} + \frac{1}{27} - \frac{1}{81}$

8) $\frac{11}{25} - \frac{5}{13} - \frac{-7}{17} - \frac{8}{13} + \frac{10}{17}$

9) $\frac{1}{2} + \left(\frac{16}{21} + \frac{27}{13}\right) - \left(\frac{14}{13} - \frac{5}{21}\right)$

$$10) \left(\frac{7}{12} - \frac{1}{2} + 3 \right) - \left(\frac{1}{12} + 5 \right) \quad 11) \frac{4}{23} + \frac{5}{21} - \frac{4}{23} + 0,5 + \frac{16}{21} \quad 12) \frac{13}{25} + \frac{6}{41} - \frac{38}{25} + \frac{35}{41} - \frac{1}{2}$$

Bài 3: Tìm x

1) $x + \frac{5}{2} = \frac{3}{2}$

2) $x - \frac{3}{4} = \frac{7}{6}$

3) $-x - \frac{4}{7} = \frac{4}{5}$

4) $\frac{3}{20} - x = \frac{2}{7}$

5) $\frac{2}{7} - x = \frac{-3}{4}$

6) $\frac{16}{7} - \left(x - \frac{7}{6} \right) = \frac{7}{4}$

7) $\frac{4}{3} + (1,25 + x) = 2,25$

8) $\frac{1}{7} - \left(\frac{5}{21} - x \right) = \frac{7}{3}$

TIẾT 1+2 BÀI 1: HAI GÓC ĐỐI ĐỈNH.

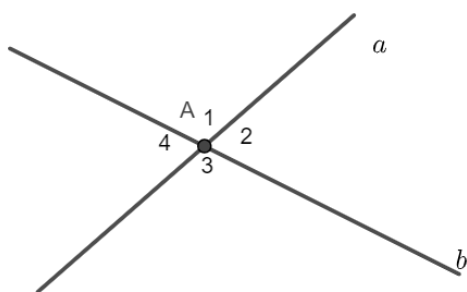
LUYỆN TẬP

I. Tóm tắt kiến thức

1) Định nghĩa:

- Hai góc đối đỉnh là hai góc mà mỗi cạnh của góc này là tia đối của một cạnh của góc kia.

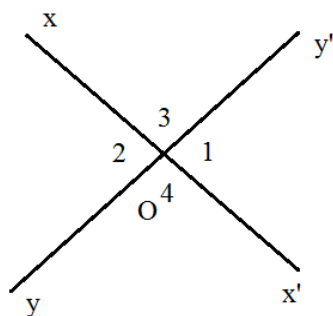
Ví dụ: $\widehat{A_1}$ và $\widehat{A_3}$ là hai góc đối đỉnh, $\widehat{A_2}$ và $\widehat{A_4}$ là hai góc đối đỉnh.



- Để vẽ góc đối đỉnh của một góc, ta vẽ hai tia đối với hai cạnh của góc đó

2) Tính chất:

Hai góc đối đỉnh thì **bằng nhau**

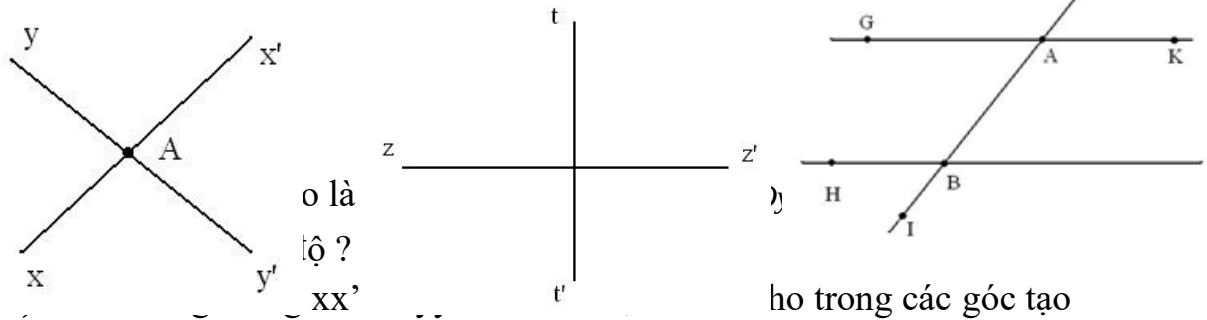


$$O_1 = O_2 \text{ (đối đỉnh)}$$

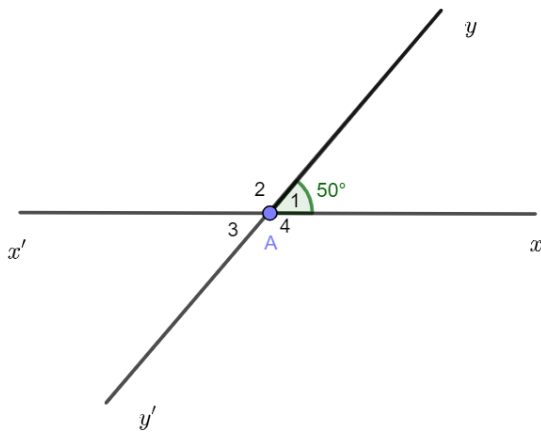
$$O_3 = O_4 \text{ (đối đỉnh)}$$

II. BÀI TẬP

1) Xem hình vẽ sau và viết tên các cặp góc đối đỉnh



thành có một góc là 50° . Tính số đo góc còn lại.



4) Vẽ hai đường thẳng xx' và yy' cắt nhau tại A sao cho $\angle xAy = 90^\circ$, các góc còn lại có số đo là bao nhiêu?

5) Cho $\angle xOy = 35^\circ$

a) Vẽ góc $\angle yOx'$ kề bù với $\angle xOy$. Tính $\angle yOx'$

b) Vẽ $\angle x'Oy'$ đối đỉnh với $\angle xOy$. Tính số đo các góc còn lại trên hình.

6) Vẽ góc $\angle xOy$ khác góc bẹt.

a) Vẽ góc $\angle x'Oy'$ đối đỉnh với $\angle xOy$ (tia Ox là tia đối của tia Ox')

b) Vẽ Ot là tia phân giác $\angle xOy$, tia Ot' là tia đối của tia Ot , chứng tỏ Ot' là tia phân giác $\angle x'Oy'$

MÔN TIN HỌC

Bài 1: Chương trình bảng tính là gì? (tiết 1)

1. Bảng và nhu cầu xử lý dạng bảng

Chương trình bảng tính là phần mềm giúp ghi lại và trình bày thông tin dưới dạng bảng, thực hiện các tính toán(từ đơn giản đến phức tạp) cũng như xây dựng các biểu đồ biểu diễn một cách trực quan các số liệu có trong bảng.

2. Màn hình làm việc của excel

Ngoài các biểu tượng quen thuộc như phần mềm word, Excel còn có: Trang tính, Thanh công thức, các dải lệnh Formulas và Data

a. Trang tính

Trang tính được chia thành các hàng và các cột, là miền làm việc chính của bảng tính. Vùng giao nhau giữa một cột và một hàng là ô tính

b. Thanh công thức

Dùng để nhập, hiển thị dữ liệu hoặc công thức trong ô tính

c. Các dải lệnh Formulas và Data

Dùng để thực hiện các phép tính với các số và xử lý dữ liệu

Dặn dò: Học bài mục 1, mục 2

MÔN ANH VĂN

UNIT 1 : BACK TO SCHOOL (tiết 1)

PART A: FRIENDS

I. NEW WORDS

1. parents /'perənts/ (n): phụ huynh
2. different /'dɪfrənt/ (a): khác, không giống
3. Unhappy /ʌn'hæpi/ (a): buồn = sad (a)
4. miss /mɪs/ (v): nhớ
5. still (adv): vẫn còn
6. Lots of = a lot of = many : nhiều, rất nhiều + **N đếm được số nhiều**

II. GRAMMAR AND STRUCTURE:

A. STRUCTURE

1. Greeting (chào hỏi)

- a. Nice to **meet** you. -> Nice to **see** you.
- b. Nice to **meet** you,too. -> Nice to **see** you,too

2. So am I = Me, too

So + to be / trợ ĐT + S

-> Dùng để diễn tả câu nói mang nghĩa “ ai đó cũng vậy”. Tránh nhắc lại câu nói vừa nói của người đang đối thoại.

EX: 1. Long likes apples. -> So do I.

2. I'm study in class 7A1. (Lan) -> So is Lan.

3. Upin likes listen to hip-hop music. (Ipin) -> So does Ipin

2. Grammar: Comparative (so sánh hơn)

-> Dùng để so sánh giữa 2 vật hoặc người

a. Short adj (tính từ ngắn)

S1 + be +Adj-er than + S2

EX: Her new school is bigger than her old school

b. Long adj (tính từ dài)

S1 + be +more Adj than + S2

EX: Her new dress is more beautiful than her old dress

* Quy tắc thêm -er sau tính từ

- Adj kết thúc bằng -e thêm er

EX: large – larger

- Adj phụ âm sau ng. âm, gấp đôi phụ âm

EX: big – bigger

- Adj kết thúc bằng -y và có 2 âm tiết, rút gọn -y và thêm -er. EX: pretty - prettier

UNIT 1: BACK TO SCHOOL (tiết 2)

PART B : NAMES AND ADDRESSES

I. VOCABULARY:

1. Full name /'fʊl neɪm/ (n): tên đầy đủ

2. Family name /'fæməli neɪm/ = Surname /'sɜːneɪm/ (n): họ

3. Firstname /'fɜːst neɪm/ (n): tên gọi

4. Middle name /'mɪdl neɪm/ (n): tên (chữ) lót

5. address /ə'dres/ (n) : địa chỉ

6. Movie theatre /'muːvi θiətə/ (n): rạp chiếu phim

7. far /fɑːr/ (adj/adv): xa

II/ STRUCTURES

1. What is your **family name**? : Họ của bạn là gì?

→ My family name is

→ It's

2. What's your **middle name**? Tên lót của bạn là gì?

→ My middle name is

→ It's

3. Where do you live ? (Bạn sống ở đâu?)

= What is your address?

I live **in** Hoc Mon.

I live **on** Le Loi street.

I live **at** 14 Le Loi street.

4. **How far** is it **from** your house **to** school?: Từ nhà bạn đến trường bao xa?

→ It's about meters/ kilometers

MÔN THỂ DỤC

Tiết: 1+ 2

BÀI: BÀI TD - CHẠY BỀN.

I.MỤC ĐÍCH-YÊU CẦU:

a. Mục đích:

- Biết và thực hiện được động tác vươn thở, tay, chân, lườn.
- Biết cách chạy trên địa hình tự nhiên.

b.Yêu cầu:

- Ng nghiêm túc trong giờ học.
- Biết vận dụng để luyện tập hằng ngày.
- Thực hiện tốt các yêu cầu đề ra.
- Bảo đảm an toàn.

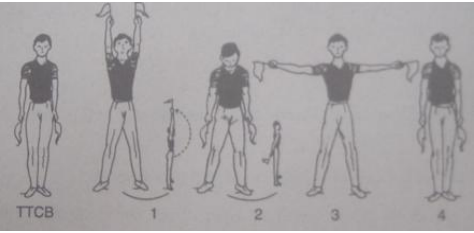
2. Thời gian: 60 phút

3. Đối tượng: Học sinh

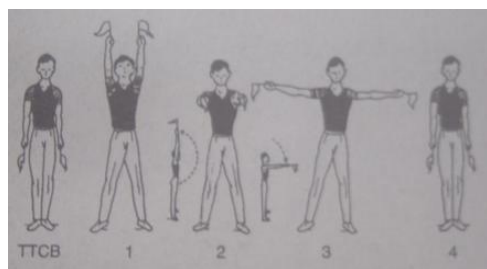
4. Dụng cụ: cờ, sân nhà

5. Địa điểm: Tại nhà.

II.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:

PHẦN VÀ NỘI DUNG	ĐLVD	BIỆN PHÁP TẬP LUYỆN
I.PHẦN MỞ ĐẦU: -Khởi động chung: xoay các khớp cổ, vai, cánh tay, hông, gối, ép dọc, ép ngang. - Khởi động chuyên môn: •Chạy bước nhỏ. •Nâng cao đùi. •Gót chạm mông.	(5-7')	Đội hình khởi động † .HS
II.PHẦN CƠ BẢN: 1.BÀI TD:Học a.Vườn thỏ: 	(45-50') 35-40'	HS quan sát tranh tập động tác: VƯỜN THỎ - Nhịp 1: Bước chân trái sang ngang rộng bằng vai, hai tay cầm cờ đưa ra trước – lên cao song song, lòng bàn tay hướng vào nhau, cờ hướng lên cao uốn thân, mặt ngửa (hít vào sâu bằng mũi). - Nhịp 2: Đưa hai tay ra trước – xuống thấp chếch ra sau, cờ hướng xuống đất, cúi đầu, hóp bụng (thở mạnh ra bằng miệng). - Nhịp 3: Đưa hai tay và cờ từ dưới – ra trước – dang ngang, lòng bàn tay hướng trước, ngực hơi uốn (hít vào sâu bằng mũi).

b.Tay:



c.Chân:

- Nhịp 4: Đưa hai tay và cò ra trước – xuống thấp về TTCB (thở mạnh ra bằng miệng).

- Nhịp 5, 6 , 7 , 8 : Như nhịp 1, 2, 3, 4, nhưng nhịp 5 bước chân phải sang ngang.

HS quan sát tranh tập động tác: TAY

- Nhịp 1: Bước chân trái sang ngang một bước rộng bằng vai, hai tay đưa từ dưới ra trước – lên cao song song, lòng bàn tay hướng vào nhau, cò hướng lên cao, mặt ngửa, mắt nhìn theo cò (hít vào).

- Nhịp 2: Đưa hai tay ra trước song song cao ngang vai, lòng bàn tay hướng vào nhau, cò hướng trước (thở ra).

- Nhịp 3: Đưa hai tay dang ngang, bàn tay ngửa, cò hướng sang hai bên (hít vào).

- Nhịp 4: Về TTCB (thở ra).

- Nhịp 5, 6, 7, 8: Như nhịp 1, 2, 3, 4, nhưng nhịp 5 bước chân phải sang ngang .

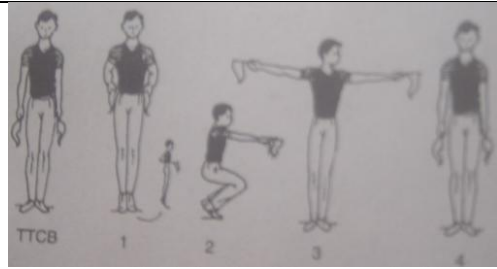
HS quan sát tranh tập động tác: CHÂN

- Nhịp 1: Kiễng hai bàn chân, hai tay cầm cò chống vào hông, cò hướng ra trước (hít vào).

- Nhịp 2: Khụy gối (sau), kiễng hai bàn chân, hai tay đưa ra trước song song cao ngang vai, lưng thẳng, lòng bàn tay hướng vào nhau, cò hướng trước, mắt nhìn theo cò (thở ra).

- Nhịp 3: Đứng thẳng người lên, hai tay dang ngang, bàn tay ngửa, 2 cò hướng sang hai bên, mặt quay sang trái mắt nhìn theo cò (hít vào).

- Nhịp 4: Về TTCB (thở ra).



5-10'

- Nhịp 5, 6, 7, 8: Như nhịp 1, 2, 3, 4, nhưng nhịp 7 quay mặt sang phải.

HS quan sát tranh tập động tác: LƯỜN

- Nhịp 1: Bước chân trái sang ngang rộng hoặc hơn vai một chút, đồng thời hai tay dang ngang lòng bàn tay hướng trước, cò hướng sang hai bên, mặt hướng trước (hít vào).

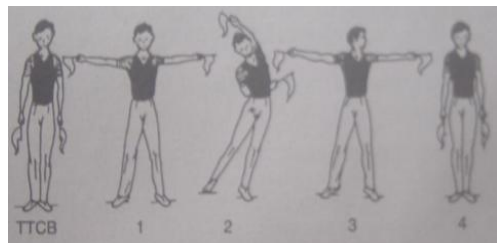
- Nhịp 2: Dồn trọng tâm vào chân trái, mũi bang chân phải chạm đất, đồng thời nghiêng lườn sang phải, tay trái duỗi thẳng áp nhẹ vào tai, tay phải co căng tay phía sau lưng, cò hướng sang trái (thở ra).

- Nhịp 3: Chuyển trọng tâm về đứng đều trên hai chân, thân người thẳng, hai tay dang ngang, bàn tay ngửa, cò hướng sang hai bên, mắt nhìn theo cò bên trái (hít vào).

- Nhịp 4: Về TTCB (thở ra).

- Nhịp 5, 6, 7, 8: Như nhịp 1, 2, 3, 4, nhưng nhịp 5 bước chân phải sang ngang, nhịp 6 nghiêng lườn sang trái, nhịp 7 mặt quay nhìn cò bên phải.

d.Lườn:



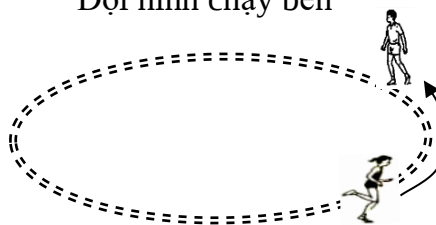
HS luyện tập 4 động tác

Đội hình luyện tập

† .HS

2.Củng cố nội dung vừa học

Đội hình chạy bền



3.Chạy bền:Chạy trên địa hình tự nhiên.		
III.PHẦN KẾT THÚC: -Thả lỏng. -Giao bài tập. -Xuống lớp.	(2-3')	Đội hình thả lỏng ♂ .HS HS luyện tập 4 động tác

MÔN SỬ

KHÁI QUÁT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TRUNG ĐẠI

Chủ đề 1: XÃ HỘI PHONG KIẾN CHÂU ÂU (3 tiết)

Nội dung 1: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

CỦA XÃ HỘI PHONG KIẾN Ở CHÂU ÂU

(Thời sơ – trung kì trung đại)

1. Sự hình thành xã hội phong kiến ở châu Âu:

- Cuối thế kỉ thứ V, người Giéc-man xâm chiếm, tiêu diệt các quốc gia cổ đại phương Tây, thành lập nên nhiều vương quốc mới.
- Người Giéc-man chiếm ruộng đất, phong tước vị cho nhau.
- Xã hội có 2 tầng lớp:
 - + Lãnh chúa phong kiến.
 - + Nông nô.
- Xã hội phong kiến ở châu Âu đã được hình thành.

2. Lãnh địa phong kiến

- Lãnh địa: là khu đất rộng, trở thành vùng đất riêng của lãnh chúa – như một vương quốc thu nhỏ
- Đặc trưng của lãnh địa: tự cung, tự cấp, đóng kín

3. Sự xuất hiện của các thành thị trung đại.

- Nguyên nhân ra đời:

Cuối thế kỉ XI, sản xuất phát triển → hàng hoá được đưa đi trao đổi, buôn bán tập nập → từ đó hình thành thị trấn → phát triển nên thành thị

- Vai trò: Thúc đẩy xã hội phong kiến phát triển.

Nội dung 2: SỰ SUY VONG CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN VÀ SỰ HÌNH THÀNH CHỦ NGHĨA TƯ BẢN Ở CHÂU ÂU

Sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu

1. Những cuộc phát kiến lớn về địa lí

- Nguyên nhân: do nhu cầu sản xuất phát triển, tiến bộ về kĩ thuật hàng hải: la bàn, hải đồ, kĩ thuật đóng tàu
- Các cuộc phát kiến tiêu biểu :
 - + 1487: Đi-a-xơ Vòng qua cực Nam châu Phi
 - + 1498 Va-xcô đơ Ga-ma đến Tây Nam Ấn Độ
 - + 1492 Cô-lôm-bô tìm ra châu Mỹ.
 - + 1519- 1522 Ma-gien-lan Vòng quanh Trái Đất
- Ý nghĩa:
 - + Đem lại những món lợi khổng lồ cho giai cấp tư sản châu Âu
 - + Thúc đẩy thương nghiệp phát triển.

2. Sự hình thành CNTB ở châu Âu

- Giai cấp tư sản: Quý tộc thương nhân giàu có, mở rộng sản xuất, bóc lột sức lao động người làm thuê
 - Giai cấp vô sản: Nông nô bị tước đoạt ruộng đất, buộc làm việc cho GCTS
- ➔ Quan hệ sản xuất tư bản hình thành.

MÔN SINH

Tiết 1,2. BÀI MỞ ĐẦU

1. Thế giới động vật đa dạng, phong phú

- Có khoảng 7,7 triệu loài động vật (2018) → Đa dạng loài
- Kích thước: lớn (VD: cá voi,...), nhỏ (VD: kiến) → Đa dạng kích thước cá thể
- Đàn chim hồng hạc, đàn châu chấu (trên 1 triệu con/ đàn) → Đa dạng số lượng cá thể
- Động vật phân bố ở các môi trường : sống ở dưới nước, trên cạn, trên không, trong lòng đất, vùng cực băng giá quanh năm... → Đa dạng môi trường sống.

2. Phân biệt động vật với thực vật

a. Thực vật:

- Tự dưỡng
- Tế bào có thành cellulose
- Không có cơ quan di chuyển, hệ thần kinh và giác quan.

b. Động vật:

- Dị dưỡng
- Tế bào không có thành cellulose
- Có cơ quan di chuyển, hệ thần kinh và giác quan.

3. Sự phân chia giới động vật :

Động vật được chia thành:

- **Động vật không xương sống** :là những động vật không có xương sống: động vật nguyên sinh, ruột khoang, giun dẹp, chân đốt (hình nhện, giáp xác, côn trùng, nhiều chân), giun đốt, thân mềm, da gai.
- **Động vật có xương sống** :là những động vật có xương sống: bò sát, chim, cá, thú, lưỡng cư.

4. Vai trò của động vật:

a. Có lợi:

- Cung cấp nguyên liệu cho con người: thực phẩm, da, lông,...
- Dùng làm thí nghiệm: học tập, nghiên cứu khoa học, thử nghiệm thuốc,...
- Hỗ trợ lao động, giải trí, thể thao,...

b. Có hại:

- Truyền bệnh cho con người và động vật: H5N1, dịch hạch chuột, ...
- Làm hại cây trồng: sâu ăn lá,...

BÀI TẬP: Để thế giới động vật mãi đa dạng phong phú, chúng ta cần phải làm gì?

DẶN DÒ: Học bài và làm bài tập

MÔN MỸ THUẬT

TIẾT 1- BÀI 1

TTMT – SƠ LƯỢC VỀ MỸ THUẬT THỜI TRẦN (1226-1400)

I . Vài nét về bối cảnh lịch sử:

- Đầu thế kỉ XIII, nhà Trần lên thay nhà Lý trị vì đất nước.
- Nhà Trần đưa ra nhiều chính sách tiến bộ, chế độ trung ương tập quyền được củng cố và tăng cường.
- Ba lần chiến thắng quân xâm lược Mông-Nguyên giúp nâng cao tinh thần tự cường, tự chủ tạo sức bật cho nền nghệ thuật phát triển.

II . Vài nét về mỹ thuật thời Trần:

1 . Kiến trúc:

a . Kiến trúc cung đình:

- Nhà Trần cho tu bổ lại kinh thành Thăng Long và xây thêm khu cung điện Thiên Trường, khu lăng mộ An Sinh, lăng mộ Trần Thủ Độ.

b . Kiến trúc Phật giáo:

- Xây dựng một số ngôi chùa, tháp nổi tiếng như : tháp chùa Phổ Minh, tháp Bình Sơn, chùa Bối Khê...

2 . Điêu khắc và trang trí:

- Điêu khắc các loại tượng như: tượng Phật, tượng quan hầu , tượng con thú.
- Chạm khắc chủ yếu để trang trí, làm tôn thêm vẻ đẹp của các công trình kiến trúc.
- Hình Rồng thời Trần có thân hình mập mạp, uốn khúc mạnh mẽ hơn Rồng thời Lý.

3. Đồ gốm:

- Xương dày, thô và nặng.
- Gốm gia dụng phát triển mạnh.
- Đề tài trang trí chủ yếu là hoa sen , hoa cúc cách điệu.

III . Đặc điểm mỹ thuật thời Trần:

- Có vẻ đẹp khỏe khoắn, phóng khoáng.
- Kế thừa tinh hoa của mỹ thuật thời Lý nhưng dung dị, đơn hậu và chất phác hơn.

-Tiếp nhận nghệ thuật của các nước láng giềng.

CÂU HỎI CÙNG CỐ

- 1 . Mĩ thuật thời Trần có những loại hình nghệ thuật nào?
- 2 . Nghệ thuật kiến trúc có mấy loại?
- 3 . Đồ gốm thời Trần có đặc điểm gì?

TIẾT 2- BÀI 2

TTMT – MỘT SỐ CÔNG TRÌNH MĨ THUẬT THỜI TRẦN (1226-1400)

I . Kiến trúc:

1 . Tháp Bình Sơn:

- Là công trình kiến trúc bằng đất nung dựng ở sân trước chùa Vĩnh Khánh.
- Tháp có mặt bằng vuông , càng lên cao càng nhỏ dần. Tất cả các tầng tháp đều được trang trí bằng hoa văn phong phú.
- Tháp Bình Sơn là niềm tự hào của kiến trúc cổ Việt Nam.

2 . Khu lăng mộ An Sinh:

- Là khu lăng mộ lớn của các vua Trần, cách nhau rất xa nhưng đều quy tụ về một hướng là khu đền An Sinh.

II . Điêu khắc:

1 .Tượng Hồ ở lăng Trần Thủ Độ:

- Có kích thước gần như thật ,với hình khối đơn giản, dứt khoát, cấu trúc chặt chẽ.
- Diễn tả được vẻ uy phong凛冽 của vị chúa sơn lâm làm tăng thêm sự uy nghi của lăng thái sư Trần Thủ Độ.

2 . Chạm khắc gỗ ở chùa Thái Lạc:

- Nội dung chủ yếu là cảnh dâng hoa, tấu nhạc của những vũ nữ, nhạc công hay những con chim thần thoại Kinari.
- Hình chạm khắc được sắp xếp cân đối, không đơn điệu, buồn tẻ bởi các độ nông sâu khác nhau.

CÂU HỎI CÙNG CỐ

- 1 . Tháp Bình Sơn có cấu trúc như thế nào?
- 2 . Đặc điểm tượng Hồ ở lăng Trần Thủ Độ?
- 3 . Nội dung chạm khắc gỗ ở chùa Thái Lạc là gì?

MÔN LÝ

Tiết 1: **CHỦ ĐỀ 1+ 2 : NHẬN BIẾT ÁNH SÁNG – NGUỒN SÁNG VÀ VẬT SÁNG**

SỰ TRUYỀN ÁNH SÁNG

I. Nhận biết ánh sáng.

- Mắt ta nhận biết được ánh sáng khi có ánh sáng truyền vào mắt ta.

II. Nhìn thấy một vật

- Ta nhìn thấy được một vật khi có **ánh sáng truyền từ vật** vào mắt ta.

VD: *Ta nhìn thấy được quyển sách màu đỏ vì có ánh sáng màu đỏ từ quyển sách truyền đến mắt ta.*

III. Nguồn sáng và vật sáng.

- Nguồn sáng là vật **tự phát ra ánh sáng**.

VD: *Mặt trời , đom đóm , bếp ga đang cháy...*

- Vật sáng gồm **nguồn sáng** và những vật **hắt lại ánh sáng** chiếu đến nó.

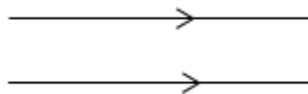
VD: *Mặt trăng, cây nến, bút chì...*

IV. Đường truyền của ánh sáng.

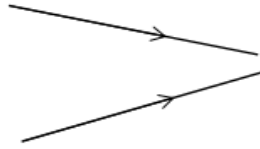
- Định luật truyền thẳng của ánh sáng: Trong môi trường **trong suốt và đồng tính** ánh sáng truyền đi theo **đường thẳng**.

V. Tia sáng và chùm sáng.

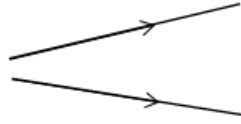
- Chùm sáng song song gồm các tia sáng mà **khoảng cách** giữa chúng **không đổi** khi truyền đi.



- Chùm sáng hội tụ gồm các tia sáng **tiến lại gần nhau** khi truyền đi.



- Chùm sáng phân kì gồm các tia sáng **ra xa nhau** khi truyền đi.



BÀI TẬP.

1. Trong các trường hợp sau , em hãy cho biết đâu là nguồn sáng ; đâu là vật sáng : bút chì đặt trên bàn học buổi sáng , núi lửa đang hoạt động, lá cây dưới ánh sáng mặt trời , hộp nhựa đen, hộp bút trong phòng có ánh sáng, chiếc cốc đặt dưới ánh đèn đang sáng, chiếc túi màu đen.
2. Giải thích vì sao trong phòng có cửa gỗ đóng kín, không bật đèn, ta không nhìn thấy mảnh giấy trắng đặt trên bàn?
3. Ban ngày trời nắng dùng một gương phẳng hứng ánh sáng Mặt Trời, rồi xoay gương chiếu ánh nắng qua cửa sổ vào trong phòng, gương đó có phải là nguồn sáng không? Tại sao?
4. Một miếng bìa màu đen được đặt lên một tờ giấy màu xanh rồi đặt ngoài trời nắng. Theo em ta có thể quan sát được miếng bìa màu đen không ? Giải thích ?
5. Khi trồng cây, người ta không sử dụng phương tiện máy móc, chỉ dùng mắt ngắm là trồng khá chính xác những hàng cây thẳng hàng nhau. Người ta đã dùng định luật nào trong kĩ thuật trồng cây này ? Em hãy phát biểu nội dung của định luật đó.
6. Vì sao khi so hàng dọc cho lớp, bạn lớp trưởng chỉ cần đứng đầu hàng thì có thể biết được hàng đã thẳng hay chưa ? Em hãy cho biết bạn lớp trưởng đang vận dụng kiến thức Vật lý nào đã học ?

MÔN GD&CD

TÔN TRỌNG LỄ PHẢI

V. NỘI DUNG BÀI HỌC:

1. Tôn trọng lễ phải:

a) Lễ phải là những điều được coi là :

- Đúng đắn,
- Phù hợp đạo lí và lợi ích chung của xã hội.

b) Tôn trọng lễ phải là :

- Công nhận, ủng hộ, tuân theo và bảo vệ những điều đúng đắn;
- Biết tự điều chỉnh suy nghĩ, hành vi của mình theo hướng tích cực;
- Không chấp nhận và không làm những điều sai trái.

2. Ý nghĩa :

Tôn trọng lễ phải giúp:

- Mọi người có cách ứng xử phù hợp;
- Làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội;
- Thúc đẩy xã hội ổn định và phát triển.
-

Tuần 2 Tiết 2 BÀI 2:

LIÊM KHIẾT

V. NỘI DUNG BÀI HỌC:

1. Thế nào là liêm khiết ?

Liêm khiết là phẩm chất đạo đức của con người thể hiện :

- Lối sống trong sạch;
- Không há danh, há lợi;
- Không bận tâm những toan tính nhỏ nhen, ích kỉ.

2. Ý nghĩa :

Sống liêm khiết sẽ làm cho con người :

- Sống thanh thản, sống có trách nhiệm;
- Nhận được sự quý trọng, tin cậy của mọi người;
- Xã hội trong sạch, tốt đẹp hơn.

Tuần 1 Tiết 1
BÀI 1:SỐNG GIẢN DỊ

1. Thế nào là sống giản dị:

- Là sống phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của bản thân, gia đình, xã hội.

Biểu hiện ở chỗ:

- Không xa hoa lãng phí;
- Không cầu kỳ, kiêu cách;
- Không chạy theo nhu cầu vật chất và hình thức bề ngoài.

2. Ý nghĩa:

- Là phẩm chất đạo đức cần có ở mỗi con người
- Được mọi người yêu mến, cảm thông và giúp đỡ.
 - Ca dao tục ngữ:
 - Cái nết đánh chết cái đẹp
 - Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

MÔN ĐỊA

ĐỊA 7 TUẦN 1 (Từ 6/9-11/9/2021)

PHẦN MỘT :THÀNH PHẦN NHÂN VĂN CỦA MÔI TRƯỜNG

DÂN SỐ

Tiết 1 Bài 1

I- Dân số, nguồn lao động :

- Điều tra dân số cho biết tình hình dân số,nguồn lao động của một địa phương ,một nước .
- Dân số được biểu hiện cụ thể bằng một tháp tuổi.

- Tháp tuổi cho biết : độ tuổi, giới tính, số dân, nguồn lao động

II .Dân số thế giới tăng nhanh trong thế kỉ XIX và thế kỉ XX :

- Dân số thế giới tăng nhanh trong hai thế kỉ gần đây (khoảng 6,16 tỉ người năm 2001).
- Các nước đang phát triển có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao .

III-Sự bùng nổ dân số :

- Dân số tăng nhanh và đột biến dẫn đến sự bùng nổ dân số ở nhiều nước châu Á,châu Phi và Mỹ latinh.
- Các chính sách dân số và sự phát triển kinh tế xã hội đã góp phần hạ thấp tỉ lệ gia tăng dân số ở nhiều nước .

Câu hỏi củng cố: Bùng nổ dân số xảy ra khi nào? Nguyên nhân, hậu quả và phương hướng giải quyết?

Dặn dò: Làm các bài tập trong SGK và chuẩn bị trước bài 2.

Tiết 2 Bài 2

SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ. CÁC CHỦNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI

I- Sự phân bố dân cư trên thế giới :

a. Mật độ dân số bằng số dân 1 nơi chia cho diện tích nơi đó.

MĐDS (người/km²)= DÂN SỐ (người)/DIỆN TÍCH (km²)

b. Sự phân bố dân cư:

- Dân cư phân bố không đồng đều
- Tập trung đông ở những vùng đồng bằng, ven biển, đô thị, nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi
- Thưa thớt ở các vùng hoang mạc, cực, núi cao.

II. Các chủng tộc trên thế giới :

- Dân cư thế giới thuộc ba chủng tộc chính là Môn-gô-lô-ít, Nê-grô-ít, Ô-rô-pê-ô-ít.
- Dân cư châu Á chủ yếu thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-ít, ở châu Phi thuộc chủng tộc Nê-grô-ít, còn ở châu Âu thuộc chủng tộc Ô-rô-pê-ô-ít.

Câu hỏi củng cố:

a. Học sinh điền và làm bài tập số 2 theo bảng hướng dẫn sau :

Tên nước	Diện tích (km ²)	Dân số (triệu người)	Mật độ dân số (người /km ²)

b-Sự khác biệt đặc điểm nhân dạng của các chủng tộc trên thế giới có phải là có nguồn gốc từ loài người khác nhau?

c-Người Việt Nam chúng ta thuộc chủng tộc nào ? Mô tả đặc điểm về màu da, mắt, mũi, tóc (màu tóc và dạng tóc) tầm vóc .

Dặn dò

Làm các bài tập còn lại trong SGK . Xem trước bài quần cư đô thị chú ý phân tích những đặc điểm khác nhau giữa quần cư nông thôn và thành thị qua ảnh 3.1 và 3.2.

MÔN CÔNG NGHỆ

BÀI 1: VAI TRÒ NHIỆM VỤ CỦA ĐẤT TRỒNG

I. Vai trò của trồng trọt.

- Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.
- Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi.
- Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp.
- Cung cấp nông sản để xuất khẩu.

II. Nhiệm vụ của trồng trọt.

- Đảm bảo nguồn lương thực thực phẩm tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

III. Để thực hiện nhiệm vụ của trồng trọt, cần những biện pháp gì?

- Khai hoang, lấn biển → tăng diện tích canh tác
- Tăng vụ trên đơn vị diện tích → để tăng nông sản
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến để → nâng cao năng suất cây trồng